

Số: 11/TB-UBND

Hải Hưng, ngày 14 tháng 7 năm 2025

### THÔNG BÁO

Việc việc niêm yết công khai danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục và lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Hải Hưng

Thực hiện Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục và lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng thông báo về việc niêm yết công khai danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục và lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ của UBND xã Hải Hưng cụ thể như sau:

**I. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung:**

1. Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.
2. Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục.
3. Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại.
4. Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.
5. Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường).
6. Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập.
7. Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại.
8. Sáp nhập, chia tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập.
9. Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
10. Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học.
11. Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục.
12. Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại.
13. Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học.





14. Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường).

15. Thành lập hoặc cho phép thành lập trường Trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở.

16. Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục.

17. Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại.

18. Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở.

19. Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường).

20. Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng.

21. Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại.

22. Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng.

23. Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm).

24. Thành lập lớn dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở.

25. Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

26. Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

27. Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

## **II. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế:**

1. Cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ sổ gốc được thay thế bằng Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã).

2. Chính sửa nội dung văn bản thay bằng, chứng chỉ thay thế bằng chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã).

Giao chuyên viên phòng Văn hóa - Xã hội rà soát niêm yết quy trình TTHC theo quy định. Văn phòng HĐND và UBND xã đôn đốc việc thực hiện.

Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng xin thông báo và thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế trên tại trung tâm phục vụ hành chính công của xã.



Công thông tin điện tử xã Hải Hưng, thành phố Hải Phòng (tại địa chỉ: <http://haihung.haiphong.gov.vn>) để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện. /

**Nơi nhận:**

- TT HĐND - UBND xã;
- Cán bộ, công chức chuyên môn;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXH. *HLH*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quang Tuấn**



Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đào tạo với nước ngoài; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục và lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ xã Hải Hưng

| STT | MÃ TTHC  | Tên TTHC                                                                                               | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                                                     | Lĩnh vực         | Cơ quan thực hiện |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|
| 1   | 1.012961 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                             | Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024;<br><i>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025</i> | Giáo dục mầm non | UBND cấp xã       |
| 2   | 1.006390 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục                                   |                                                                                                   |                  |                   |
| 3   | 1.006444 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại                           |                                                                                                   |                  |                   |
| 4   | 1.006445 | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                                          |                                                                                                   |                  |                   |
| 5   | 1.012962 | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) |                                                                                                   |                  |                   |
| 6   | 1.012971 | Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập                                       |                                                                                                   |                  |                   |
| 7   | 1.012972 | Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại                                              |                                                                                                   |                  |                   |
| 8   | 1.012973 | Sáp nhập, chia tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập                                                     |                                                                                                   |                  |                   |
| 9   | 1.012974 | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)           |                                                                                                   |                  |                   |
| 10  | 1.012963 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học                                                      |                                                                                                   |                  |                   |



|    |          |                                                                                                                                                      |                                                                                                                 |                          |         |
|----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|
| 11 | 2.001842 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục                                                                                                          | Nghị định số<br>125/2024/NĐ-CP<br>ngày 05/10/2024;<br><i>Nghị định số<br/>142/2025/NĐ-CP<br/>ngày 12/6/2025</i> | Giáo dục tiểu<br>học     | UBND xã |
| 12 | 1.004552 | Cho phép tiểu học hoạt động giáo dục trở lại                                                                                                         |                                                                                                                 |                          |         |
| 13 | 1.004563 | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học                                                                                                                 |                                                                                                                 |                          |         |
| 14 | 1.001639 | Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường).                                                                       |                                                                                                                 |                          |         |
| 15 | 1.012964 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường Trung học sơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học sơ sở                   |                                                                                                                 |                          |         |
| 16 | 1.012965 | Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục                         |                                                                                                                 |                          |         |
| 17 | 1.012966 | Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại                 |                                                                                                                 |                          |         |
| 18 | 1.012967 | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở                                |                                                                                                                 |                          |         |
| 19 | 1.012968 | Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường). |                                                                                                                 |                          |         |
| 20 | 1.012969 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng                                                                                        | Nghị định số<br>125/2024/NĐ-CP<br>ngày 05/10/2024;<br><i>Nghị định số<br/>142/2025/NĐ-CP<br/>ngày 12/6/2025</i> | Giáo dục<br>thường xuyên | UBND xã |
| 21 | 1.012970 | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại                                                                                               |                                                                                                                 |                          |         |
| 22 | 3.000307 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng                                                                                                     |                                                                                                                 |                          |         |
| 23 | 3.00308  | Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm).                                                        |                                                                                                                 |                          |         |



|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |                                                      |             |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------|-------------|
| 24 | 3.000309 | Thành lập lớn dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở |  | Các cơ sở giáo dục khác                              | UBND cấp xã |
| 25 | 1.012975 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học                                                                                                                                                                                                             |  | Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | UBND cấp xã |
| 26 | 1.008724 | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận                                                                                                                  |  |                                                      |             |
| 27 | 1.008725 | Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận                                                                           |  |                                                      |             |

Thủ tục hành chính được thay thế thuộc lĩnh vực đào tạo với nước ngoài; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục và lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ xã Hải Hưng

| STT | MÃ TTHC  | Tên TTHC được thay thế                    | Tên TTHC thay thế                                      | Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế                                                                                                                | Lĩnh vực           | Cơ quan thực hiện                                                              |
|-----|----------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1.005092 | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã) | Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo; Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT | Văn bằng chứng chỉ | Cơ quan, sở sở giáo dục đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ tại cấp xã |
| 2   | 2.001914 | Chỉnh sửa nội dung, văn bằng chứng chỉ    | Chỉnh sửa nội dung, văn bằng chứng chỉ (tại cấp xã)    | Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo; Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT | Văn bằng chứng chỉ | Cơ quan, sở sở giáo dục đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ tại cấp xã |